

Bản án số: 49/2017/HSST
Ngày: 04/7/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Liễu Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Tân.
2. Bà Nguyễn Thúy Phương

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thào – Thư ký
Toà án nhân dân huyện Cao Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc tham gia phiên tòa:
Ông Chu Xuân Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 39/2017/HSST, ngày 27 tháng 4 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2017/QĐ ngày 20 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo:

Hoàng Mạnh H; sinh ngày 23/4/1981 tại huyện X, tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: 26, đường P, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; con ông Hoàng Cự L (đã chết) và bà: Hà Thị L, sinh năm 1953; vợ là Phạm Ngọc T và có 02 con, lớn nhất 05 tuổi, nhỏ nhất hơn 01 tuổi; tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

- Ông Dương Văn B, sinh năm 1972, Giám đốc Công ty TNHH Đ; có địa chỉ: Khu phố B, phường K, thị xã S, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

- Vũ Văn T, sinh năm 1985; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phố Đ, phường K, thị xã S, tỉnh Bắc Ninh; chỗ ở: Khu Công nghiệp Đ, thị xã S, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

- Phạm Ngọc T1 (tức N), sinh năm 1980; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 4, ngõ 8, đường D, phường Đ, thành phố L là (Giám đốc Công ty TNHH vận tải A). Có mặt.

- Nguyễn Trung V, sinh năm 1979; trú tại: Số nhà 10, đường T, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Số nhà 6, đường N, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- Nguyễn Văn T2, sinh năm 1987; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu A, phường K, thị xã S, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Buôn bán. Vắng mặt.

- Dương Văn O, sinh năm 1983; trú tại: Phố B, phường K, thị xã S, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

- Vũ Văn N, sinh năm 1981; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phố Đ, phường K, thị xã S, tỉnh Bắc Ninh; chỗ ở: Khu Công nghiệp K, thị xã S, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Thợ mộc. Có mặt.

- Chu Văn V, sinh năm 1986; chỗ ở: Thôn N, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lái xe. Có mặt.

- Nguyễn Việt C, sinh năm 1968; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 73, ngõ 10b, đường B, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lái xe. Có mặt.

- Trần Xuân T3, sinh năm 1984; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã M, thành phố G, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lái xe. Có mặt.

- Hoàng Văn Đ, sinh năm 1985; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lái xe. Vắng mặt.

- Hoàng Văn T4, sinh năm 1989; chỗ ở: Thôn P, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lái xe. Vắng mặt.

- Hoàng Văn T5 sinh năm 1976; chỗ ở: Đường Q, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lái xe. Có mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Ngày 08/8/2016, tại Cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị, tỉnh Lạng Sơn. Phòng 5 Cục Cảnh sát phòng chống buôn lậu- Bộ Công an phối hợp với Chi cục hải quan cửa khẩu Hữu Nghị và Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Lạng Sơn tiến hành kiểm tra hàng hóa làm thủ tục xuất khẩu theo 03 bộ tờ khai hải quan số 300942096510/B11, 300942097540/B11, 300942095920/B11 của Công ty TNHH Mạnh Tiến Đ. Lô hàng đăng ký vận chuyển trên 07 xe ô tô BKS: 30L-3147, 12C- 04523, 98C- 08460, 12C- 02876, 12C-02614, 98C-11568, 12C-04874. Kết quả kiểm tra chỉ có riêng xe ô tô BKS 12C-04874 không vi phạm, còn lại 06 xe ô tô có vi phạm là ngoài số đồ gỗ thủ công mỹ nghệ có trong tờ khai hải quan còn chờ thêm một số gỗ, đồ gỗ thủ công mỹ nghệ không khai báo Hải quan không có hồ sơ lâm sản, cụ thể:

- Xe ô tô BKS 30L-3147 do Chu Văn V điều khiển, vận chuyển: 400 kg gỗ Giáng hương; 2.603kg và 0,60724 m³ gỗ Trắc.

- Xe ô tô BKS 12C-04523 do Nguyễn Việt C điều khiển, vận chuyển: 430kg gỗ Cẩm lai; 2.250kg và **0,280m³** gỗ Giáng Hương; 2.720kg và 0,127m³ gỗ Trắc.

- Xe ô tô BKS 98C-08460 do Hoàng Văn T4 điều khiển, vận chuyển: 1.715kg gỗ Cẩm Lai; 52kg và **0,140m³** gỗ Giáng Hương; 2.176kg gỗ Trắc.

- Xe ô tô BKS 12C-02876 do Trần Xuân T3 điều khiển, vận chuyển: 805kg gỗ Cẩm Lai; 1.675kg và **0,216m³** gỗ Giáng Hương; 575kg gỗ Trắc.

- Xe ô tô BKS 12C-02614 do Hoàng Văn Đ điều khiển, vận chuyển: 90kg gỗ Cẩm Lai; 2.747kg gỗ Trắc.

- Xe ô tô BKS 98C-11568 do Hoàng Văn T5 điều khiển, vận chuyển: 1.350 kg gỗ Cẩm Lai; 45 kg gỗ Giáng Hương.

Xác định vụ việc có dấu hiệu tội phạm hình sự, Cục hải quan tỉnh Lạng Sơn đã ra quyết định khởi tố vụ án, chuyển Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lạng Sơn điều tra làm rõ sự việc, cụ thể như sau:

Ngày 03/8/2016, Vũ Văn T đại diện cho các hộ gia đình làng nghề sản xuất đồ gỗ thủ công mỹ nghệ thị xã S, tỉnh Bắc Ninh ký hợp đồng ủy thác cho Công ty TNHH Mạnh Tiến Đ, với nội dung Công ty TNHH Mạnh Tiến Đ làm thủ tục hải quan đưa lô hàng “*đồ gỗ thủ công mỹ nghệ*” của các Hộ làng nghề qua biên giới Việt – Trung, đến các cửa hàng của làng nghề Đồng Kỵ tại Trung Quốc. Sau khi ký kết hợp đồng, phía các hộ gia đình làng nghề liên lạc với Phạm Ngọc T1, giám đốc Công ty TNHH vận tải Thuận A để thuê các xe chở hàng. T1 đã gọi 07 xe ô tô BKS: 30L-3147; 12C-04523, 98C- 08460; 12C-02876; 12C-02614; 98C-11568; 12C-04874 đến thị xã S, Bắc Ninh nhận hàng và vận chuyển.

Ngày 07/8/2016, Công ty Mạnh Tiến Đ đăng ký mở 03 bộ tờ khai hải quan số 300942096510/B11; 300942097540/B11; 300942095920/B11 tại Chi **cục Hải quan CKQT Hữu Nghị**, tỉnh Lạng Sơn với nội dung xuất khẩu hàng hóa “*đồ gỗ thủ công mỹ nghệ*”, gồm 53 mục hàng khác nhau như: Giường, tủ, bàn ghế... tất cả được làm từ gỗ Hương, gỗ Trắc mới 100%, có tổng trọng lượng 133.120 kg, vận chuyển trên 07 xe ô tô do Phạm Ngọc T1 gọi đến. Lô hàng được hệ thống hải quan điện tử phân luồng vàng (*kiểm tra chỉ tiết hồ sơ, miễn kiểm tra thực tế hàng hóa*). Ngày 08/8/2016, sau khi công ty TNHH Mạnh Tiến Đ hoàn tất thủ tục hải quan để xuất khẩu lô hàng, thì bị lực lượng chức năng tiến hành kiểm tra cụ thể hàng hóa trên các phương tiện vận chuyển thì phát hiện vi phạm.

Vật chứng thu giữ: **19.633 kg** và **1.37024m³** gỗ không khai báo hải quan gồm: 10.821 kg và 0,73424 m³ gỗ Trắc; 4.390 kg gỗ Cẩm Lai; 4.422 kg và 0,636 m³ gỗ Giáng Hương đồ gỗ thủ công mỹ nghệ và gỗ thanh, ván, gỗ hình thù đặc biệt.

Trong số vật chứng tạm giữ thì có **5.279 kg** đồ gỗ thủ công mỹ nghệ (3.692 kg gỗ Trắc, 1.320 kg gỗ Cẩm Lai, 267 kg gỗ Giáng Hương) gồm các loại: Đồng

hồ, chân bàn ghế, mặt bàn, đầu giường... là của 05 hộ dân làng nghề đồ gỗ thủ công mỹ nghệ thuộc phường K, thị xã S, tỉnh Bắc Ninh gồm: Nguyễn Văn S, Dương Văn T6, Dương Văn C1, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1 gửi tại các kho hàng của Vũ Văn T do công nhân bốc nhả lên xe ô tô cùng với số hàng hóa đồ thủ công mỹ nghệ đã khai báo hải quan vận chuyển đến cửa khẩu Hữu Nghị, tỉnh Lạng Sơn, do không có mục đích xuất lậu, Cơ quan điều tra đã tiến hành trả lại.

Số gỗ còn lại đang bị tạm giữ tại kho của **Chi cục Hải quan Cửa khẩu Hữu Nghị**, tỉnh Lạng Sơn, liên quan đến Hoàng Mạnh H và các đối tượng có liên quan khác, cụ thể:

1. Hoàng Mạnh H khai nhận: Trong thời gian làm thuê trông coi, quản lý kho gỗ tại thị xã S, tỉnh Bắc Ninh cho Nguyễn Hùng C (tức C) trú tại: Số 36 đường V, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, thấy việc mua bán gỗ có lãi nên đã nảy ý định thu mua gỗ tại thị xã S rồi xuất lậu sang Trung Quốc bán kiếm lời. H mua của Nguyễn Văn T2 1.908 kg và 0,127 m³ gỗ Trắc, việc mua bán chỉ ký nhận vào sổ theo dõi của Tài. Ngoài ra H còn mua với một số người không quen biết tại chợ gỗ K số lượng 217 kg gỗ Trắc; tổng số gỗ H mua là **2.125 kg** và **0,127m³** gỗ Trắc. Để tránh sự kiểm tra phát hiện của Cơ quan chức năng, H đã làm hợp đồng thuê Nguyễn Việt C là lái xe ô tô biển kiểm soát 12C- 045.23 vận chuyển số gỗ mua được kèm đồ gỗ thủ công mỹ nghệ đã được công ty TNHH Mạnh Tiến Đ mở tờ khai hải quan đến **cửa khẩu Hữu Nghị**, tỉnh Lạng Sơn để xuất lậu sang Trung Quốc bán kiếm lời.

2. Nguyễn Trung V khai nhận mua **2.250 kg** gỗ Giáng Hương của Dương Văn O , mục đích xuất lậu sang Trung Quốc bán kiếm lời. V gửi số gỗ vừa mua được kèm vào lô hàng đồ gỗ mỹ nghệ đã khai báo hải quan trên xe ô tô BKS 12C- 045.23 của Nguyễn Việt C nhằm tránh sự kiểm tra phát hiện của cơ quan hải quan.

3. Vũ Văn T khai nhận vận chuyển **0,280 m³** gỗ Giáng Hương kèm trong lô hàng đồ gỗ mỹ nghệ đã khai báo hải quan trên xe ô tô BKS 12C- 045.23 của Nguyễn Việt C với mục đích mang sang Trung Quốc bán. Đối với **1.350 kg** gỗ Cẩm Lai và **740 kg** gỗ Trắc của người đàn ông Trung Quốc, T khai số gỗ này là do để trong kho cùng với lô hàng đồ gỗ thủ công mỹ nghệ thuộc T quản lý, khi bốc lên xe ô tô để xuất sang Trung Quốc, công nhân đã bốc nhả số gỗ lên hai xe ô tô BKS 98C-11568 và xe ô tô BKS 30L- 3147 do Hoàng Văn T5 và Chu Văn V điều khiển.

4. Phạm Ngọc T1 khai nhận mua **1.235 kg** và **0,60724 m³** gỗ Trắc của Nguyễn Văn T2, việc mua bán chỉ ký nhận vào sổ tay, không có hóa đơn xuất hàng và Bảng kê lâm sản. Khi mua xong, T1 làm hợp đồng thuê Chu Văn V vận chuyển đến **cửa khẩu Hữu Nghị** với mục đích sẽ dỡ số gỗ xuống rồi vận chuyển về nhà sử dụng. Nhưng chưa kịp bốc dỡ xuống thì đã bị lực lượng chức năng kiểm tra.

5. Đối với **3.029 kg** gỗ Trắc; **1.720 kg** gỗ Cẩm Lai; **1.905 kg** và **0,356 m³** gỗ Giáng Hương của hai người đàn ông Trung Quốc là A B và A M. Do Trần Xuân T3 vận chuyển cho A M; còn Hoàng Văn Đ và Hoàng Văn T4 vận chuyển cho A B. Các lái xe đều khai nhận được người đàn ông Trung Quốc thuê vận

chuyển số gỗ từ thị xã S, tỉnh Bắc Ninh đến **cửa khẩu Hữu Nghị**, tỉnh Lạng Sơn để xuất bán sang Trung Quốc, mọi giấy tờ và thủ tục xuất khẩu liên quan đến số gỗ do hai người đàn ông Trung Quốc chịu trách nhiệm, tiền công vận chuyển là 1.000.000đ. Trong đó A M đã trả tiền công cho Trần Xuân T3 1.000.000đ; còn Hoàng Văn Đ và Hoàng Văn T4 chưa được trả.

Quá trình điều tra không xác định được lai lịch của hai người đàn ông Trung Quốc, nên không có cơ sở để làm rõ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 2203/KL-HĐĐGTS ngày 28/12/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự, UBND tỉnh Lạng Sơn **kết luận**: gỗ Trắc, gỗ Cẩm Lai, gỗ Giáng Hương các loại đang bị tạm giữ trong vụ án có giá trị: **2.494.866.800đ**, cụ thể:

- Hoàng Mạnh H: 2.125 kg và 0,127m³ gỗ Trắc trị giá **579.800.000đ**.
- Nguyễn Trung V: 2.250 kg gỗ Giáng Hương trị giá **67.500.000đ**.
- Vũ Văn T: 0,28 m³ gỗ Giáng Hương trị giá **8.400.000đ**; 1.350 kg gỗ Cẩm Lai và 740 kg gỗ Trắc trị giá **290.800.000đ**;
- Phạm Ngọc T1: 1.235 kg và 0,60724 m³ gỗ Trắc trị giá **466.956.800đ**.
- A B và A M: 3.029 kg gỗ Trắc; 1.720 kg gỗ Cẩm Lai; 1.905 kg và 0,356 m³ gỗ Giáng Hương, tổng trị giá **1.081.410.000đ**.

Về nguồn gốc số gỗ bị tạm giữ:

- 6.912 kg và 0,73424 m³ gỗ Trắc có nguồn gốc từ Lào được 02 công ty là Công ty TNHH Tùng M - địa chỉ: Khối 7, thị trấn K, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh và Công ty cổ phần Thái Phát Đ - địa chỉ: Khối 5, đường T, huyện H, Hà Tĩnh làm thủ tục nhập khẩu về Việt Nam; Công ty Tùng M đã bán số gỗ nhập về cho Công ty Thái Phát Đ. Sau đó Công ty Thái Phát Đ vận chuyển về Bắc Ninh ký gửi tại kho hàng hóa của Nguyễn Văn T2 và nhờ T2 bán hộ. Nguyễn Văn T2 đã bán số gỗ trên cho Hoàng Mạnh H (2.125kg và 0,127m³ gỗ Trắc), Phạm Ngọc T1 (1.235 kg và 0,60724 m³ gỗ Trắc) và T2 còn bán cho nhiều người khác nữa, việc mua bán chỉ ký nhận vào sổ tay của Tài.

- Trong số 4.155 kg và 0,636 m³ gỗ Giáng Hương thì có 3.925 kg gỗ có nguồn gốc từ Lào được Công ty TNHH Phú N, địa chỉ: Phường P, thành phố H, tỉnh Quảng Bình làm thủ tục nhập khẩu về Việt Nam và bán cho Xí nghiệp mỹ nghệ Tiến Đ, địa chỉ: Phường K, thị xã S, tỉnh Bắc Ninh (có hợp đồng kinh tế). Sau đó, Xí nghiệp Tiến Đ bán lại cho Xí nghiệp đồ gỗ Đức D - địa chỉ: Phường K, thị xã S, tỉnh Bắc Ninh, cụ thể:

+ Ngày 01/8/2016 Xí nghiệp Đức D đã xuất Hóa đơn GTGT số 0000124 bán cho Dương Văn O 2.250 kg. Sau đó O vận chuyển về nhà rồi bán lại cho Nguyễn Trung V.

+ Ngày 02/8/2016 Xí nghiệp Đức D đã xuất Hóa đơn GTGT số 0000126 bán cho Vũ Văn N là 1.675 kg. Sau đó N vận chuyển về nhà rồi bán lại cho một người đàn ông Trung Quốc tên A B.

- Số còn lại là 217 kg gỗ Trắc; 3.070 kg gỗ Cẩm Lai; 230 kg và 0,636 m³ gỗ Giáng Hương không xác định được nguồn gốc xuất xứ.

Tại bản Cáo trạng số 41/2017/CT-VKS ngày 26 - 4 - 2017 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn truy đã tố Hoàng Mạnh H về tội “Buôn lậu” theo điểm a khoản 3 Điều 153 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 153, điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999; áp dụng nghị quyết 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 và nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội về việc áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội theo khoản 3 Điều 7; điểm a khoản 3 Điều 188 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt tiền đối với bị cáo Hoàng Mạnh H từ 1.500.000.000 đ đến 1.600.000.000đ.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76; khoản 3 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Xác nhận cơ quan điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã trả đồ gỗ thủ công mỹ nghệ (3.692 kg gỗ Trắc, 1.320 kg gỗ Cẩm Lai, 267 kg gỗ Giáng Hương) cho 05 (năm) hộ làng nghề thủ công mỹ nghệ; trả 06 chiếc xe ô tô cho chủ sở hữu;

Xác nhận cơ quan điều tra đã chuyển các đối tượng Nguyễn Trung V, Vũ Văn T và Phạm Ngọc T1 cùng các tang vật có liên quan là: 2.250 kg gỗ Giáng Hương (của V); 0,280 m³ gỗ Giáng Hương (của T); 1.235 kg và 0,60724 m³ gỗ Trắc (của T1) cho Chi cục Kiểm Lâm tỉnh Lạng Sơn để xử lý theo thẩm quyền; tịch thu 2.125 kg và 0,127 m³ gỗ của bị cáo Hoàng Mạnh H và số tang vật của hai người đàn ông Trung quốc là A B và A M gồm: 3.029 kg gỗ Trắc, 1.720 kg gỗ Cẩm Lai, 1.905 kg và 0,356 m³ gỗ Giáng Hương để phát mại sung vào công quỹ Nhà nước; áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho Vũ Văn T 1.350 kg gỗ Cẩm Lai và 740 kg gỗ Trắc vì không có căn cứ để thu giữ.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa Hoàng Mạnh H đã khai nhận: Trong thời gian làm thuê trông coi, quản lý các kho gỗ tại thị xã S, tỉnh Bắc Ninh cho Nguyễn Hùng C (tức C), biết việc mua gỗ xuất sang Trung Quốc bán có lãi, nên H đã mua **2.125 kg và 0,127m³** gỗ Trắc thuê ô tô vận chuyển kèm vào đồ gỗ thủ công mỹ nghệ đã được công ty TNHH Mạnh Tiến Đ mở tờ khai hải quan đến **cửa khẩu Hữu Nghị**, tỉnh Lạng Sơn để xuất lậu sang Trung Quốc bán kiếm lời, nhưng khi đến cửa khẩu Hữu Nghị đã bị lực lượng chức năng kiểm tra phát hiện bắt giữ. Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản làm việc ngày 09/8/2016 và biên bản kiểm tra thực tế hàng hóa ngày 12/8/2016 của Chi cục HQCK Hữu Nghị; phù hợp với lời khai của Nguyễn Việt C là người điều khiển xe ô tô vận chuyển số gỗ cho bị cáo; phù hợp với kết luận định giá tài sản số 2203/KL-HĐĐGTS ngày 28/12/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, UBND tỉnh Lạng Sơn kết luận số gỗ Trắc của Hoàng Mạnh H có trị giá **579.800.000đ** và phù hợp với các tài

liệu chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Hoàng Mạnh H đã phạm tội “Buôn lậu”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 153 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra thể hiện sự coi thường pháp luật, xâm phạm đến hoạt động quản lý của Nhà nước trong việc khai thác, vận chuyển, kinh doanh, buôn bán Lâm sản. Bản thân bị cáo là người có đầy đủ năng lực để nhận thức về việc làm của mình, nhất là về số gỗ mà bị cáo mua là loại lâm sản quý hiếm, có giá trị lớn thuộc Nhà nước độc quyền quản lý, mọi cá nhân, tổ chức mua bán, vận chuyển qua biên giới phải có hồ sơ Lâm sản, phải được kê khai trong tờ khai hải quan..., nhưng bị cáo đã lợi dụng vào việc vận chuyển số đồ gỗ thủ công mỹ nghệ của các hộ làng nghề, xếp số gỗ mua được dưới sàn xe, sâu phía trong thùng xe nhằm che giấu các cơ quan chức năng để xuất lậu sang Trung Quốc bán kiếm lời. Hành vi của bị cáo cần được xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật thì mới đủ thời gian giáo dục bị cáo và làm gương cho những kẻ khác.

Tuy nhiên xét thấy tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bản thân bị cáo cũng có một thời gian tham gia trong lực lượng quân ngũ “ Công an nghĩa vụ”, nên cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định của pháp luật;

Căn cứ vào Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 và Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội về việc áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội theo khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; áp dụng điểm a khoản 3 Điều 188 Bộ luật hình sự năm 2015 để áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của pháp luật, đủ tính răn đe và phòng ngừa chung.

- Đối với các đối tượng: Vũ Văn T, Phạm Ngọc T1 và Nguyễn Trung V, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã chuyển cho Chi cục Kiểm Lâm tỉnh Lạng Sơn để xử lý theo thẩm quyền. Xét thấy việc cơ quan điều tra chuyển xử lý như vậy là hợp lý, phù hợp với các quy định của pháp luật, nên không đề cập xem xét.

- Đối với các đối tượng Hoàng Văn T5, Hoàng Văn Đ, Trần Xuân T3, Hoàng Văn T4, Nguyễn Việt C, Chu Văn V là những người vận chuyển thuê cho bị cáo và các đối tượng có liên quan theo thỏa thuận đã có hợp đồng cụ thể, mọi giấy tờ liên quan đến hàng hóa và thủ tục hải quan đều do người thuê chịu trách nhiệm, cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- Đối với 02 (hai) người đàn ông Trung Quốc là A M và A B thuê các lái xe vận chuyển sang Trung Quốc không khai báo hải quan. Ngoài lời khai của các lái xe không có thêm chứng cứ nào khác. Cơ quan điều tra không có cơ sở làm rõ, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

***Về vật chứng:**

- Về 06 xe ô tô, xét thấy các chủ sở hữu xe không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo và các đối tượng có liên quan. Cơ quan điều tra đã tiến hành trả lại cho chủ sở hữu. Xét thấy việc trả như vậy là phù hợp quy định của pháp luật, nên cần xác nhận.

- Đối với **5.279 kg** đồ gỗ thủ công mỹ nghệ của 05 hộ làng nghề đồ gỗ thủ công mỹ nghệ, do không có mục đích xuất lậu. Cơ quan điều tra đã trả lại đầy đủ. Xét thấy việc cơ quan điều tra trả như vậy là hợp lý, phù hợp với thực tế và các quy định của pháp luật, cần xác nhận.

- Đối với 0280 m³ gỗ Giáng Hương của Vũ Văn T; 2.250 kg gỗ Giáng Hương của Nguyễn Trung V. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã chuyển cho Chi cục Kiểm Lâm tỉnh Lạng Sơn để xử lý theo thẩm quyền, xét thấy việc cơ quan điều tra chuyển như vậy là hợp lý, phù hợp với quy định của pháp luật, cần xác nhận.

- Số tang vật của Phạm Ngọc T1 gồm: 1.235 kg và 0,60724 m³ gỗ Trắc, ngày 13 tháng 3 năm 2017 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã chuyển cho Chi cục Kiểm lâm tỉnh Lạng Sơn để xử lý theo thẩm quyền; ngày 29/3/2017 Chi cục Kiểm lâm tỉnh Lạng Sơn đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi mua, vận chuyển Lâm sản trái phép và trả lại số tang vật cho Phạm Ngọc T1. Xét thấy việc cơ quan Kiểm Lâm tỉnh Lạng Sơn xử lý như vậy là hợp lý, phù hợp với thực tế và các quy định của pháp luật, cần xác nhận.

- Đối với **2.125 kg** và **0,127m³** gỗ Trắc của bị cáo, đây là số tang vật do bị cáo phạm tội mà có, cần tịch thu để phát mại sung vào công quỹ Nhà nước.

- Về **3.029 kg** gỗ Trắc; **1.720 kg** gỗ Cẩm Lai; **1.905 kg** và **0,356 m³** gỗ Giáng Hương của hai người đàn ông Trung Quốc là A B và A M. Xét thấy số tang vật này không có hồ sơ Lâm sản, mà do hai người đàn ông Trung Quốc mua và thuê các lái xe vận chuyển xuất lậu sang Trung Quốc, đây là số tang vật do việc mua bán bất hợp pháp mà có, nên cần tịch thu để phát mại sung vào công quỹ Nhà nước.

- Đối với **1.350kg** gỗ Cẩm Lai và **740 kg** gỗ Trắc của Vũ Văn T, tại phiên tòa hôm nay cũng như tại cơ quan điều tra, T đều khai là do để trong kho cùng với lô hàng đồ gỗ thủ công mỹ nghệ thuộc T quản lý, khi bốc lên xe ô tô xuất sang Trung Quốc, công nhân đã bốc nhầm nên yêu cầu được trả lại, xét thấy yêu cầu của Vũ Văn T là hợp lý, phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

Bị cáo kết án về tội Buôn lậu, nên phải chịu khoản tiền án phí theo quy định của pháp luật; bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo Hoàng Mạnh H đã phạm tội “*Buôn lậu*”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 153; khoản 1 Điều 30; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Điểm a khoản 3 Điều 188 Bộ luật hình sự năm 2015. Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 và Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội quy định về việc áp dụng có lợi cho người phạm tội theo khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt tiền đối với bị cáo Hoàng Mạnh H 1.500.000.000 VNĐ (Một tỷ năm trăm triệu đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước.

- Về tang vật: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 và khoản 3 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Xác nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã trả 06 (sáu) xe ô tô gồm: Xe ô tô BKS 30L-3147; xe ô tô BKS 12C-04523; xe ô tô BKS 98C-08460; xe ô tô BKS 12C-02876; xe ô tô BKS 12C-02614; xe ô tô BKS 98C-11568 cho các chủ sở hữu hợp pháp.

+ Xác nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã trả lại **5.279 kg** đồ gỗ thủ công mỹ nghệ cho 05 (năm) hộ dân làng nghề đồ gỗ thủ công mỹ nghệ thuộc phường K, thị xã S, tỉnh Bắc Ninh đầy đủ;

+ Xác nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã chuyển 0,280 m³ gỗ Giáng Hương của Vũ Văn T; 2.250 kg gỗ Giáng Hương của Nguyễn Trung V cho Chi cục Kiểm lâm tỉnh Lạng Sơn để xử lý theo thẩm quyền (theo Công văn số 839/CQCSĐT (PC46) ngày 28/3/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn).

+ Xác nhận Chi cục Kiểm lâm tỉnh Lạng Sơn đã trả 1.235 kg (*Loại có hình thù phức tạp, không đo được*) và 0,60724 m³ gỗ Trắc (*gồm 198 m³ gỗ Trắc tròn và 0,4092 m³ gỗ Trắc xẻ*) cho Phạm Ngọc T1 theo biên bản trả lại tang vật vi phạm ngày 29/3/2017 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Lạng Sơn.

+ Tuyên tịch thu **2.125 kg** và **0,127m³** gỗ Trắc do thu giữ của bị cáo để phát mại sung vào công quỹ Nhà nước.

+ Tuyên tịch thu **3.029 kg** gỗ Trắc; **1.720 kg** gỗ Cẩm Lai; **1.905 kg** và **0,356m³** gỗ Giáng hương của 02 (hai) đối tượng người đàn ông Trung Quốc là **A B** và **A M** để phát mại sung vào công quỹ Nhà nước.

+ Tuyên trả lại cho Vũ Văn T, hộ khẩu thường trú: Phố Đ, phường K, thị xã S, tỉnh Bắc Ninh; chỗ ở: Khu Công nghiệp K, thị xã S, tỉnh Bắc Ninh **1.350 kg** gỗ Cẩm Lai và **740 kg** gỗ Trắc.

(*Số tang vật gồm: Gỗ Giáng Hương, Gỗ Trắc, Gỗ Cẩm Lai tuyên tịch thu và hoàn trả nêu trên, đang được tạm giữ tại kho số 05 của Chi cục Hải quan cửa khẩu Hữu Nghị, tỉnh Lạng Sơn*).

- Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000 đ (hai trăm ngàn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Báo cho bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt biết, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VKSND huyện Cao Lộc;
- Công an huyện Cao Lộc;
- Chi cục THADS huyện Cao Lộc;
- Chi cục hải quan cửa khẩu Hữu Nghị;
- Chi cục Kiểm lâm tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Liễu Văn Bình